

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST

Ngày: 28 - 6 - 2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Kiệm và ông Phạm Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nhật Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Á Ch (gọi tắt là ACB).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 442 Ng, phường 5, quận 3, TP. H; địa chỉ liên lạc: Số 22D, đường B, phường M, thành phố Ph, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền cho ông Đỗ Minh T gồm: Ông Đào Tiến S - Giám đốc chi nhánh H (Theo Quyết định số 4908/TCQĐ-PC.12 ngày 13/9/2012 về việc ban hành quy chế ủy quyền ký kết, thực hiện các Hợp đồng dân sự, thương mại và tham gia tố tụng trước pháp luật của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Ch) và bà Vũ Thị Anh Đ - Giám đốc Phòng quản lý nợ (Theo giấy ủy quyền số 428/UQ-QLN.19 ngày 26/6/2019).

Người đại diện theo ủy quyền lại của ông Đào Tiến S là: Ông Nguyễn Tiến Kh - Trưởng bộ phận khách hàng cá nhân. (Theo giấy ủy quyền số 14/UQ-HNM.19 ngày 05/11/2019).

Người đại diện theo ủy quyền lại của bà Vũ Thị Anh Đ là: Bà Phạm Thị Tú A và ông Nguyễn Quang Th - Nhân viên (Theo giấy ủy quyền số 1474/UQ-QLN.21 ngày 22/10/2021); có mặt bà Tú A, ông Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn:

- Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1967; địa chỉ: Làng M, xã I, huyện Ia, tỉnh G; địa chỉ mới: Thôn 1 Ph, xã C, huyện L, tỉnh H; có mặt.

- Ông Tạ Văn Đ, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn 1 Ph, xã C, huyện L, tỉnh H; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Tạ Văn Th, sinh năm 1986 và anh Tạ Văn H, sinh năm 1993; cùng địa chỉ: Thôn 1 Ph, xã C, huyện L, tỉnh H; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/11/2019, bản tự khai, lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến Kh và bà Phạm Thị Tú A trình bày như sau:

Ngân hàng ACB đã ký kết với ông Tạ Văn Đ và bà Đỗ Thị L 04 hợp đồng tín dụng. Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số HNM.CN.938.060717 ngày 06/7/2017, giải ngân bằng các Khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

1. Hợp đồng cấp tín dụng thứ nhất: Số HNM.CN.952.060717 ngày 06/7/2017 áp dụng cho vay từng lần, số tiền cho vay là 750.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 100 tháng (từ ngày 07/7/2017 đến hết ngày 06/11/2025). Phương thức vay: Vay từng lần. Mục đích: Phục vụ nhu cầu đời sống - Xây dựng/sửa chữa nhà - Xây nhà - Vốn vay dùng để xây nhà. Sau khi ký kết hợp đồng cấp tín dụng, Ngân hàng ACB đã giải ngân cho bà L, ông Đ bằng 02 khế ước nhận nợ gồm:

- Khế ước nhận nợ số 241512199 ngày 06/7/2017: ACB cho bà L và ông Đ vay số tiền là 600.000.000 đồng. Lãi suất vay được quy định như sau: Lãi suất trong hạn: 10,4%/năm. Lãi suất vay được cố định trong thời hạn 03 (ba) tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức: Lãi suất vay (%/năm = $LS_{13} + 4,50 + X$). Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn).

Quá trình vay vốn, ông Tạ Văn Đ và bà Đỗ Thị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, từ tháng 8/2019 ông Đ và bà L không thanh toán nợ vay nên đến ngày 28/8/2019 ACB đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 13/9/2019 đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 28/6/2022, ông Tạ Văn Đ và bà Đỗ Thị L đã trả cho ACB tổng số tiền là: 248.655.107 đồng; trong đó, tiền gốc: 138.000.000 đồng, tiền lãi: 110.623.773 đồng, tiền phạt: 31.334 đồng. Ông Đ, bà L còn nợ ACB các khoản sau: Tiền gốc

462.000.000 đồng; Lãi trong hạn 14.802.148 đồng; Lãi quá hạn 230.341.258 đồng; Phạt chậm trả 25.058.730 đồng. Tổng cộng 732.202.137 đồng.

- Khế ước nhận nợ số 242187059 ngày 18/7/2017: ACB đã cho ông Đ và bà L vay số tiền là 150.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 100 tháng (từ ngày 19/7/2017 đến hết ngày 06/11/2025). Lãi suất vay được quy định như sau: Lãi suất trong hạn: 10,40%/năm. Lãi suất vay được cố định trong thời hạn 03 (ba) tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất vay (%/năm) = $LS13 + 4,50 + X$. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình vay vốn, từ tháng 8/2019 ông Tạ Văn Đ và bà Đỗ Thị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ do không thanh toán nợ cho ACB. Do đó, ngày 28/8/2019, ACB đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 13/9/2019, ACB đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 28/6/2022, ông Tạ Văn Đ và bà Đỗ Thị L đã trả cho ACB tổng số tiền là: 62.098.394 đồng, trong đó: Tiền gốc: 34.500.000 đồng, tiền lãi: 27.590.560 đồng, tiền phạt: 7.834 đồng. Ông Đ, bà L còn nợ ACB các khoản sau: Tiền gốc 115.500.000 đồng; Lãi trong hạn 3.614.466 đồng; Lãi quá hạn 55.649.681 đồng; Phạt chậm trả 6.065.516 đồng. Tổng cộng 180.829.663 đồng.

2. *Hợp đồng cấp tín dụng thứ hai:* Số HNM.CN.849.181017 ngày 19/10/2017, khế ước nhận nợ số 248249129 ngày 19/10/2017. Sau khi ký kết hợp đồng cấp tín dụng và 01 thẻ cấp tín dụng (Chi tiêu dùng). Ngân hàng ACB đã giải ngân cho bà L, ông Đ bằng khế ước nhận nợ gồm:

- Khế ước nhận nợ số: 248249129 ngày 19/10/2017, ACB đã cho ông Đ và bà L vay số tiền là 300.000.000 đồng. Thời hạn vay: 84 tháng (từ ngày 20/10/2017 đến hết ngày 19/10/2024). Lãi suất vay được quy định như sau: Lãi suất trong hạn: 10,50%/năm. Lãi suất vay được cố định trong thời hạn 03 (ba) tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất vay (%/năm) = $LS13 + 3,90 + X$. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình vay vốn, ông Tạ Văn Đ và bà Đỗ Thị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ tháng 8/2019 trở đi, ông Tạ Văn Đ và bà Đỗ Thị L không thanh toán nợ vay nên đến ngày 28/8/2019, ACB đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 13/9/2019, ACB đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 28/6/2022, ông Tạ Văn Đ và bà Đỗ Thị L đã trả cho ACB tổng số tiền là: 347.907.761 đồng, trong đó: Nợ gốc: 300.000.000 đồng, tiền lãi: 47.892.485 đồng, tiền phạt: 15.276 đồng. Ông Đ, bà L còn nợ ACB các khoản sau: Lãi trong hạn 7.102.346 đồng; lãi quá hạn 103.230.289 đồng; phạt chậm trả 11.963.976 đồng. Tổng cộng 122.296.611 đồng.

3. *Hợp đồng cấp tín dụng thứ ba:* Số HNM.CN.907.260418 ngày 26/4/2018, khế ước nhận nợ số 261257719 ngày 26/4/2018. Sau khi ký kết hợp

đồng cấp tín dụng Ngân hàng ACB đã giải ngân cho bà L, ông Đ bằng khế ước nhận nợ:

- Khế ước nhận nợ số: 261257719, ACB đã giải ngân cho ông Đ và bà L vay số tiền là 200.000.000 đồng. Thời hạn vay: 84 tháng (từ ngày 27/4/2018 đến hết ngày 26/4/2025). Lãi suất vay được quy định như sau: Lãi suất trong hạn: 10,50%/năm. Lãi suất vay được cố định trong thời hạn 03 (ba) tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất vay (%/năm) = $LS13 + 3,90 + X$. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình vay vốn, ông Tạ Văn Đ và bà Đỗ Thị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ tháng 8/2019, ông Đ và bà L không thanh toán nợ vay nên ngày 28/8/2019, ACB đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 13/9/2019 ACB đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 28/6/2022, ông Tạ Văn Đ và bà Đỗ Thị L đã trả cho ACB tổng số tiền là: 214.413.455 đồng, trong đó: Tiền gốc: 192.913.000 đồng, tiền lãi: 21.500.455 đồng, tiền phạt: 0 đồng. Ông Đ, bà L còn nợ ACB các khoản sau: Tiền gốc 7.087.000 đồng; Lãi trong hạn 6.335.126 đồng; Lãi quá hạn 75.225.988 đồng; Phạt chậm trả 9.057.525 đồng. Tổng cộng 97.705.639 đồng.

4. *Hợp đồng cấp tín dụng thứ tư*: Số HNM.CN.885.260418 ngày 26/4/2018. Sau khi ký kết hợp đồng cấp tín dụng Ngân hàng ACB đã giải ngân cho bà L, ông Đ bằng khế ước nhận nợ:

- Khế ước nhận nợ số 277276059 ngày 29/01/2019, ACB đã giải ngân cho ông Đ và bà L số tiền 750.000.000 đồng. Thời hạn vay: 07 tháng (từ ngày 30/01/2019 đến ngày 29/8/2019). Lãi suất cho vay được quy định như sau: Lãi suất trong hạn: 10,2%/năm. Lãi suất cho vay được cố định trong thời hạn 03 (ba) tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay. Lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất cho vay (%/năm) = $LS13 + 3,0\%/năm + X$. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn.

Quá trình vay vốn, ông Tạ Văn Đ và bà Đỗ Thị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ tháng 8/2019, ông Đ và bà L không thanh toán nợ vay nên ngày 29/8/2019, ACB đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 28/6/2022, ông Tạ Văn Đ và bà Đỗ Thị L đã trả cho ACB tổng số tiền là: 778.330.137 đồng, trong đó: Tiền gốc: 750.000.000 đồng, tiền lãi: 28.269.616 đồng, tiền phạt: 60.521 đồng. Ông Đ, bà L còn nợ ACB các khoản sau: Lãi trong hạn 16.401.617 đồng; Lãi quá hạn 297.415.633 đồng; Phạt chậm trả lãi 34.666.130 đồng. Tổng cộng 348.483.380 đồng.

5. *Cấp thẻ tín dụng*: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 11/4/2018 của bà Đỗ Thị L, Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB và các văn bản của bà Đỗ Thị L ký với ACB về việc sử dụng thẻ tín dụng, ACB đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà Đỗ Thị L: Số thẻ chính 9704 1631 0051 2868;

ngày cấp: 02/5/2018; hạn mức thẻ: 80.000.000 đồng; hiệu lực thẻ: Tháng 5/2020. Lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn: theo Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, bà Đỗ Thị L đã không thanh toán đầy đủ cho ACB theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 09/9/2019, ACB đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu của thẻ tín dụng sang nợ quá hạn và ngày 24/9/2019, ACB đã ra thông báo chấm dứt sử dụng thẻ và thu hồi trước hạn toàn bộ dư nợ thẻ của bà Đỗ Thị L tại ACB. Bà Đỗ Thị L đã thanh toán số tiền là 81.348.978 đồng. Tạm tính đến ngày 28/6/2022, bà Đỗ Thị L còn nợ ACB khoản tiền lãi là 29.002.791 đồng.

Như vậy, tổng dư nợ mà ông Tạ Văn Đ và bà Đỗ Thị L còn nợ ACB đối với tất cả các khoản vay nêu trên tạm tính đến ngày 28/6/2022 là: Nợ tiền gốc: 584.587.000 đồng; Lãi trong hạn 48.255.703 đồng; Lãi quá hạn 790.865.640 đồng; Phạt chậm trả 86.811.878 đồng. Tổng cộng 1.510.520.221 đồng.

6. *Tài sản thế chấp*: Để đảm bảo cho các khoản vay, ông Đ, bà L thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 58, tờ bản đồ số 22, địa chỉ: Thôn 1 (xóm 3 cũ), Phú Đa, xã Công Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, diện tích là 130m² đất ở lâu dài thuộc quyền sở hữu của hộ ông Tạ Văn Đ do Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân cấp ngày 10/8/2004. Giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm thẩm định giá là 2.040.000.000 đồng, theo tờ trình bắt động sản lập ngày 04/7/2017 của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu ACB.

Ngân hàng ACB khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Yêu cầu Toà án buộc bà Đỗ Thị L và ông Tạ Văn Đ trả cho ACB tính đến ngày 28/6/2022 tổng số tiền là 1.510.520.221 đồng, trong đó: Nợ gốc: 584.587.000 đồng; lãi trong hạn là 48.255.703 đồng, lãi quá hạn 790.865.640 đồng, phạt chậm trả 86.811.878 đồng, tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi do các bên thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ của Ngân hàng ACB kể từ ngày 29/6/2022 đến ngày bà L và ông Đ trả dứt nợ. Bà L và ông Đ phải trả nợ theo thứ tự sau: Vốn gốc, phí, các khoản phải trả khác (nếu có), phạt chậm trả, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

- Nếu bà Đỗ Thị L và ông Tạ Văn Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ, bao gồm: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 58, tờ bản đồ số 22, địa chỉ: Thôn 1 (xóm 3 cũ), Phú Đa, xã Công Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, diện tích là 130m² đất ở lâu dài thuộc quyền sở hữu của hộ ông Tạ Văn Đ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 847374, do Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân cấp ngày 10/8/2004.

Quá trình giải quyết vụ án bà Đỗ Thị L trình bày: Bà và ông Tạ Văn Đ có ký kết các hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp tài sản và hợp đồng sửa đổi bổ sung, cấp thẻ tín dụng và số tiền còn nợ như ACB đã trình

bày là đúng; bà L đồng ý trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền trên. Tuy nhiên, do việc kinh doanh, làm ăn kinh tế khó khăn dẫn đến việc chậm trả tiền nợ ngân hàng ACB. Nay bà Đỗ Thị L có đề nghị: Ngân hàng giãn nợ để bà có điều kiện trả nợ dần cho ngân hàng ACB. Bà không đồng ý phát mãi tài sản đã thế chấp cho ACB.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà L, ông Đ, anh H và anh Th không tham gia phiên họp hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Ngân hàng ACB có quan điểm như sau:

+ Yêu cầu Tòa án buộc bà Đỗ Thị L và ông Tạ Văn Đ trả cho ACB tính đến ngày 28/6/2022 tổng số tiền là 1.510.520.221 đồng, trong đó: Nợ gốc: 584.587.000 đồng; lãi trong hạn là 48.255.703 đồng, lãi quá hạn 790.865.640 đồng, phạt chậm trả 86.811.878 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ của Ngân hàng ACB kể từ ngày 28/6/2022 đến ngày bà L và ông Đ trả dứt nợ. Bà L và ông Đ phải trả nợ theo thứ tự sau: Vốn gốc, phí, các khoản phải trả khác (nếu có), phạt chậm trả, lãi quá hạn, lãi trong hạn.

+ Nếu bà Đỗ Thị L và ông Tạ Văn Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì hộ gia đình ông Đ phải giao toàn bộ tài sản đã thế chấp cho cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

+ Các bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

+ Ngoài ra yêu cầu các bị đơn còn phải chịu khoản tiền phạt của số tiền chậm trả lãi trong hạn kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi trả hết nợ.

- Bị đơn bà Đỗ Thị L trình bày: Ông Tạ Văn Đ, anh Tạ Văn Th và anh Tạ Văn H là chồng và các con tôi đã nhận được giấy triệu tập phiên tòa. Tuy nhiên vì lý do công việc nên không đến tham gia phiên tòa được; ông Đ, anh Th và anh H có nói với tôi được toàn quyền quyết định các vấn đề có liên quan đến vụ án. Về nội dung vụ án: Tôi xác định tính đến ngày 28/6/2022 tôi và ông Đ còn nợ ngân hàng ACB tổng tiền gốc và các khoản tiền lãi là 1.510.520.221 đồng như đại diện nguyên đơn trình bày là đúng. Tôi chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị:

+ Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án của Tòa án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập tài liệu, chứng cứ và

gửi các quyết định, thông báo cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật; tuân thủ đúng thời hạn xét xử; Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ACB đối với các bị đơn: Buộc bà Đỗ Thị L và ông Tạ Văn Đ trả cho ACB tính đến ngày 28/6/2022 tổng số tiền là 1.510.520.221 đồng, trong đó: Nợ gốc: 584.587.000 đồng; lãi trong hạn là 48.255.703 đồng, lãi quá hạn 790.865.640 đồng, phạt chậm trả 86.811.878 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng kể từ ngày 28/6/2022 đến ngày bà L và ông Đ trả hết nợ.

Chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của Ngân hàng ACB đối với toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 58, tờ bản đồ số 22, địa chỉ: Thôn 1 (xóm 3 cũ), Phú Đa, xã Công Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, diện tích là 130m² đất ở lâu dài thuộc quyền sở hữu của hộ ông Tạ Văn Đ, do Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân cấp ngày 10/8/2004. Buộc bà L và ông Đ phải nộp chi phí thẩm định và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 17/01/2022 thửa đất trên có hiện trạng như sau: Tổng diện tích thửa đất là 182m², trong đó: 130m² đất ở và 52m² đất do lấn chiếm của nhà nước, đất không có tranh chấp và các tài sản trên đất gồm: 01 nhà 03 tầng, 01 tầng hầm, nhà mái thái, xây dựng kiên cố. Phía trước nhà có 01 sân bê tông lát đá hoa, cổng và hàng rào bằng sắt phía trước. Toàn bộ những tài sản này được xây dựng hoàn thiện năm 2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Đối với hợp đồng cấp tín dụng số HNM.CN.885.260418 ngày 26/4/2018, theo Khế ước nhận nợ số 277276059 ngày 29/01/2019, các bên đương sự đều có giấy phép kinh doanh, mục đích vay để sản xuất kinh doanh - Bổ sung vốn lưu động - Bổ sung vốn lưu động kinh doanh gối các loại và đều có mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp về kinh doanh, thương mại. Đối với những hợp đồng còn lại mục đích vay phục vụ nhu cầu đời sống - Tiêu dùng - Khác - Vốn vay dùng để phục vụ nhu cầu sinh hoạt gia đình là tranh chấp hợp đồng dân sự. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện Lý Nhân theo quy định tại các Điều 26, 30, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Tạ Văn Đ, anh Tạ Văn H và anh Tạ Văn Th cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Tạ Văn Đ, anh Tạ Văn H và anh Tạ Văn Th đều vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Căn cứ vào các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa chứng minh được bà Đỗ Thị L và ông Tạ Văn Đ có vay của Ngân hàng ACB tổng số tiền là 2.000.000.000 (*Hai tỷ*) đồng theo hợp đồng tín dụng chung số HNM.CN.938.060717 ngày 06/7/2017, Hợp đồng cấp tín dụng số HNM.CN.952.060717 ngày 06/7/2017, khế ước nhận nợ số 241512199 ngày 06/7/2017 và khế ước nhận nợ số 242187059 ngày 18/7/2017; hợp đồng cấp tín dụng số HNM.CN.849.181017 ngày 19/10/2017, khế ước nhận nợ số 248249129 ngày 19/10/2017; hợp đồng cấp tín dụng số HNM.CN.907.260418 ngày 26/4/2018, khế ước nhận nợ số 261257719 ngày 26/4/2018, khế ước nhận nợ số 277276059 ngày 29/01/2019. Đồng thời ACB cấp 01 thẻ tín dụng cho bà Đỗ Thị L. Số thẻ chính: 9704 1631 0051 2868. Ngày cấp: 02/5/2018; hạn mức thẻ: 80.000.000 đồng; hiệu lực thẻ: Tháng 5/2020.

Tính đến ngày 28/6/2022 bà Đỗ Thị L và ông Tạ Văn Đ còn nợ Ngân hàng ACB Chi nhánh Hà Nam tổng số tiền là 1.510.520.221 đồng, trong đó: Nợ gốc: 584.587.000 đồng; lãi trong hạn là 48.255.703 đồng, lãi quá hạn 790.865.640 đồng, phạt chậm trả 86.811.878 đồng.

Xét thấy, các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cũng như thỏa thuận cấp thẻ tín dụng là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ đã chứng minh quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng ACB đã giải ngân đủ số tiền theo hợp đồng tín dụng, bà L và ông Đ đã nhận đủ số tiền vay, việc cấp thẻ tín dụng đảm bảo đúng theo quy định. Vì vậy, Ngân hàng ACB đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, bà L và ông Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng ACB là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Đỗ Thị L đều nhất trí với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ngân hàng ACB. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng ACB, buộc bà L và ông Đ

phải thanh toán cho ngân hàng ACB tính đến ngày 28/6/2022 tổng số tiền nợ gốc là: 584.587.000 đồng.

2.2. Đối với yêu cầu về khoản tiền lãi, tính đến ngày 28/6/2022 bà L, ông Đ còn nợ tiền lãi trong hạn là 48.255.703 đồng, lãi quá hạn 790.865.640 đồng, phạt chậm trả 86.811.878 đồng và tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong bà L và ông Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký kết.

Căn cứ Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi chậm trả, lãi phạt trong trường hợp bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ; tại phiên tòa bà Đỗ Thị L cũng chấp nhận trả các khoản tiền nêu trên cho Ngân hàng ACB. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng ACB về các khoản tiền lãi, tiền phạt đối với bà Đỗ Thị L và ông Tạ Văn Đ là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

2.3. Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bà L và ông Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ: Xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số GIL.BĐCN.84.220217 ngày 22/02/2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số GIL.BĐCN.84.220217/SĐBS-01 ngày 06/7/2017 đều được công chứng tại Phòng Công chứng số I tỉnh Hà Nam, đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai huyện Lý Nhân ngày 22/02/2017 và Cam kết thế chấp tài sản ngày 06/7/2017 giữa ngân hàng ACB và bà L, ông Đ được ký kết đúng thủ tục và được đăng ký giao dịch bảo đảm nên phát sinh hiệu lực.

Theo hợp đồng ủy quyền ngày 15/02/2017, anh Th và anh H đã ủy quyền cho bà L, ông Đ thực hiện việc thế chấp toàn bộ tài sản trên, bao gồm cả việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, đăng ký và xóa đăng ký thế chấp. Do đó, bà Đỗ Thị L, ông Tạ Văn Đ, anh Tạ Văn Th và anh Tạ Văn H đã dùng tài sản là thửa số 58, tờ bản đồ số 22, địa chỉ: Thôn 1 (xóm 3 cũ), Phú Đa, xã Công Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, diện tích là 130m² đất ở lâu dài thuộc quyền sở hữu của hộ ông Tạ Văn Đ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 847374, do Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân cấp ngày 10/8/2004. Tổng trị giá tài sản thế chấp là 2.040.000.000 đồng là tài sản để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ.

Căn cứ vào hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, cam kết thế chấp ngày 06/7/2017 và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án thì tài sản này là tài sản hợp pháp của hộ ông Đ. Do vậy, trường hợp bà L, ông Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng ACB có quyền yêu cầu kê biên, phát mại tài sản đã thế chấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà L, ông Đ, anh Th và anh H để thu hồi nợ là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Đối với 52m2 đất do lấn chiếm của nhà nước và các tài sản trên đất là 01 sân bê tông lát đá hoa, cổng và hàng rào bằng sắt phía trước và bên trái của nhà không phải là tài sản thế chấp nên không xem xét.

[4] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng ACB đã nộp số tiền 1.600.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà L và ông Đ phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định tại Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà L và ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Đối với quan điểm của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, yêu cầu các bị đơn phải chịu khoản tiền phạt của số tiền lãi chậm trả trong hạn kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi trả hết nợ. Xét thấy yêu cầu này của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện nên không có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 157, 158, khoản 2 Điều 227, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 116, 119, 293, 298, 299, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự. Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Ch (ACB).

1.1. Buộc bà Đỗ Thị L và ông Tạ Văn Đ phải trả cho Ngân hàng ACB chi nhánh Hà Nam tổng số tiền tính đến ngày 28/6/2022 là 1.510.520.221 (*Một tỷ năm trăm mười triệu năm trăm hai mươi nghìn hai trăm hai mươi mốt*) đồng, trong đó:

- Tiền nợ gốc: 584.587.000 đồng.
- Tiền lãi trong hạn: 48.255.703 đồng.
- Tiền lãi quá hạn: 790.865.640 đồng.
- Tiền phạt chậm trả: 86.811.878 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, bà Đỗ Thị L và ông Tạ Văn Đ còn phải trả lãi theo mức lãi suất quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng chung số HNM.CN.938.060717 ngày 06/7/2017, Hợp đồng cấp tín dụng số HNM.CN.952.060717 ngày 06/7/2017, khế ước nhận nợ số 241512199 ngày 06/7/2017 và khế ước nhận nợ số

242187059 ngày 18/7/2017; Hợp đồng cấp tín dụng số HNM.CN.885.260418 ngày 26/4/2018, khế ước nhận nợ số 261257719 ngày 26/4/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Trường hợp bà Đỗ Thị L và ông Tạ Văn Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng ACB chi nhánh Hà Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp là 130m² đất ở cùng toàn bộ tài sản trên đất gồm 01 nhà 03 tầng, 01 tầng hầm, nhà mái thái xây dựng tại thửa số 58, tờ bản đồ số 22, địa chỉ: Thôn 1 (xóm 3 cũ), Phú Đa, xã Công Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, thuộc quyền sở hữu của hộ ông Tạ Văn Đ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 847374, do Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân cấp ngày 10/8/2004 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 22/02/2017 và Cam kết thế chấp ngày 06/7/2017 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ trả hết nợ cho Ngân hàng ACB thì bà Đỗ Thị L và ông Tạ Văn Đ phải tiếp tục trả nợ số tiền gốc và lãi theo thoả thuận tại các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Đỗ Thị L và ông Tạ Văn Đ phải trả ngân hàng ACB chi nhánh Hà Nam số tiền 1.600.000 (*Một triệu sáu trăm nghìn*) đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí sơ thẩm:

3.1. Buộc bà Đỗ Thị L và ông Tạ Văn Đ phải nộp 57.315.606 đồng. Làm tròn là 57.316.000 (*Năm mươi bảy triệu ba trăm mười sáu nghìn*) đồng.

3.2. Trả lại số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng ACB chi nhánh Hà Nam đã nộp 34.500.000 (*Ba mươi tư triệu năm trăm nghìn*) đồng, theo biên lai số AA/2010/0003680 ngày 06 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7

và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã Công Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Huy